

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ TÂN HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 21 /NQ-HĐND

Tân Hòa, ngày 11 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về việc điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách năm 2025
xã Tân Hòa (lần 2)

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ TÂN HÒA
KHÓA XII, KỶ HỌP THỨ TƯ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về việc quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 2395/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc phân bổ dự toán chi thường xuyên (vốn sự nghiệp) thuộc chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 2433/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách ngân sách địa phương năm 2025 của thành phố Cần Thơ (lần 2);

Căn cứ Quyết định số 2434/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc điều chỉnh, bổ sung phân bổ dự toán năm 2025 của thành phố Cần Thơ (lần 2).

Xét Tờ trình số 54/TTr-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Tân Hòa về việc điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách xã Tân Hòa năm 2025 (lần 2); Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân xã; Ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân xã Tân Hòa thống nhất thông qua nội dung điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 xã Tân Hòa (lần 2), cụ thể như sau:

Điều chỉnh tổng dự toán thu ngân sách xã năm 2025 từ 147.591.478.344 đồng (số điều chỉnh lần 2) thành 175.510.000.000 đồng, số điều chỉnh tăng là 27.918.521.656 đồng.

Điều chỉnh tổng dự toán chi ngân sách xã năm 2025 từ 147.591.478.344 đồng (số điều chỉnh lần 2) thành 175.510.000.000 đồng, số điều chỉnh tăng là 27.918.521.656 đồng.

(Đính kèm các phụ lục và biểu mẫu chi tiết)

Điều 2. Hội đồng nhân dân xã giao Ủy ban nhân dân xã tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Hội đồng nhân dân xã giao Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban Hội đồng nhân dân xã, Tổ Đại biểu Hội đồng nhân dân và Đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát quá trình thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Tân Hòa khóa XII, Kỳ họp thứ Tư thông qua và có hiệu lực từ ngày 11 tháng 12 năm 2025. / .

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND, UBND TP;
- Thường trực Đảng ủy, HĐND, UBND xã;
- Các cơ quan tham mưu giúp việc Đảng ủy xã;
- Các ngành, cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính trên địa bàn xã;
- Các ban HĐND xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- UBMTTQ VN xã
- Các tổ chức chính trị - xã hội xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

(Handwritten signature)
Nguyễn Văn Bằng

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025



ĐƠN VỊ KÈM THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 11 / NQ-HĐND NGÀY 11 / 12/2025 CỦA HĐND XÃ TÂN HÒA

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Dự toán giao năm 2025	Dự toán điều chỉnh (lần 1) năm 2025	Dự toán điều chỉnh (lần 2) năm 2025	Dự toán sử dụng năm 2025
A		1	2	2	2
	TỔNG NGUỒN THU NSDP				
I	Nguồn thu NSDP hưởng theo phân cấp	134.187.000.000	147.591.478.344	27.918.521.656	175.510.000.000
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	6.560.000.000	6.560.000.000		6.560.000.000
I	Thu bổ sung cân đối ngân sách	127.627.000.000	141.031.478.344	27.918.521.656	166.780.000.000
2	Thu bổ sung cân đối ngân sách	114.705.000.000	114.705.000.000		114.705.000.000
2	Thu bổ để thực hiện chính sách tiền lương theo quy định hiện hành	9.599.000.000	9.599.000.000		9.599.000.000
3	Thu bổ sung có mục tiêu	3.323.000.000	16.727.478.344	25.748.521.656	42.476.000.000
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính				
IV	Thu kết dư ngân sách				
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang			7.000.000	7.000.000
VI	Thu từ các khoản huy động, đóng góp			2.163.000.000	2.163.000.000
B					
	TỔNG CHI NSDP				
I	Tổng chi cân đối NSDP	134.187.000.000	147.591.478.344	27.918.521.656	175.510.000.000
1	Chi đầu tư phát triển, trong đó:	130.864.000.000	130.864.000.000	0	130.864.000.000
1.1	Vốn xây dựng cơ bản				
2	Chi thường xuyên				
3	Chi trả nợ lại, phí các khoản do chính quyền địa phương vay	118.699.000.000	118.699.000.000		118.699.000.000
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				
5	Dự phòng ngân sách				
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	2.566.000.000	2.566.000.000		2.566.000.000
		9.599.000.000	9.599.000.000		9.599.000.000
II	Chi các chương trình mục tiêu	3.323.000.000	16.727.478.344	25.748.521.656	42.476.000.000

STT	Nội dung	Dự toán giao năm 2025	Dự toán điều chỉnh (lần 1) năm 2025	Dự toán điều chỉnh (lần 2) năm 2025	Dự toán sử dụng năm 2025
A	B	1	2	2	2
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	0	1.665.200.000	170.000.000	1.835.200.000
1.1	Kinh phí Chương trình MTQG xây dựng NTM		0	170.000.000	170.000.000
-	Vốn đầu tư				
-	Vốn sự nghiệp			170.000.000	
1.2	Kinh phí Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	0	1.665.200.000	0	1.665.200.000
-	Vốn đầu tư				
-	Vốn sự nghiệp		1.665.200.000		1.665.200.000
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	3.323.000.000	15.062.278.344	25.578.521.656	40.640.800.000
2.1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ		0	0	0
2.2	Bổ sung để thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định và một số chương trình mục tiêu khác	3.323.000.000	15.062.278.344	25.578.521.656	40.640.800.000
III	Chi nộp ngân sách cấp trên				
IV	Chi chuyển nguồn sang năm sau (Ước thu vượt dự toán bao gồm tiền sử dụng đất)				
V	Chi từ các khoản huy động, đóng góp				
VI	Chi từ thu kết dư ngân sách			7.000.000	7.000.000
VII	Chi từ chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang			2.163.000.000	2.163.000.000

CĂN ĐOỊ NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

Đính kèm theo Nghị quyết số 21 /NQ-HĐND ngày 11 / 12 /2025 của HĐND xã Tân Hòa)

Đơn vị: đồng



STT	Nội dung	Dự toán giao năm 2025	Dự toán điều chỉnh (lần 1)	Dự toán điều chỉnh (lần 2)	Dự toán sử dụng năm 2025
4	B	1	2	2	2
A	NGÂN SÁCH XÃ	134.187.000.000	147.591.478.344	27.918.521.656	175.510.000.000
I	Nguồn thu ngân sách	134.187.000.000	147.591.478.344	27.918.521.656	175.510.000.000
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	6.560.000.000	6.560.000.000		6.560.000.000
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	127.627.000.000	141.031.478.344		166.780.000.000
2.1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	114.705.000.000	114.705.000.000		114.705.000.000
2.2	Thu bổ để thực hiện chính sách tiền lương theo quy định hiện hành	9.599.000.000	9.599.000.000		9.599.000.000
2.3	Thu bổ sung có mục tiêu	3.323.000.000	16.727.478.344		16.727.478.344
-	Kinh phí thực hiện Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2025 - 2030	1.000.000.000	1.000.000.000		1.000.000.000
-	Kinh phí Tổ bảo vệ an ninh, trật tự cơ sở theo Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND	1.932.000.000	1.932.000.000		1.932.000.000
-	Kinh phí người cai nghiện ma túy đang ký hình thức cai nghiện tự nguyện (Đề án Hậu Giang xanh)	316.000.000	316.000.000		316.000.000
-	Kinh phí người cai nghiện ma túy đang ký hình thức cai nghiện tự nguyện	75.000.000	75.000.000		75.000.000
-	Trung tâm văn hóa - Thể thao và truyền thanh		10.807.578.344		10.807.578.344
-	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững		1.665.200.000		1.665.200.000
-	Chương trình áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001: 2015 năm 2025		26.400.000		26.400.000
-	Thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã		500.000.000		500.000.000
-	Mua sắm trang thiết bị công nghệ thông tin phục vụ hoạt động của UBND cấp xã		405.300.000		405.300.000
2.4	Kinh phí bổ sung có mục tiêu do thành phố phân bổ			5.413.521.656	5.413.521.656
2.5	Kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội			20.165.000.000	20.165.000.000

STT	Nội dung	Dự toán giao năm 2025	Dự toán điều chỉnh (lần 1)	Dự toán điều chỉnh (lần 2)	Dự toán sử dụng năm 2025
A	B	1	2	2	2
2.6	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM			170.000.000	170.000.000
3	Thu từ quỹ dự trữ tài chính				0
4	Thu kết dư ngân sách			7.000.000	7.000.000
5	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang			2.163.000.000	2.163.000.000
6	Thu từ các khoản huy động, đóng góp				
II	Chi ngân sách	134.187.000.000	147.591.478.344	27.918.521.656	175.510.000.000
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp xã	118.699.000.000	118.699.000.000		118.699.000.000
2	Chi thực hiện chính sách tiền lương theo quy định hiện hành	9.599.000.000	9.599.000.000		9.599.000.000
3	Chi dự phòng ngân sách	2.566.000.000	2.566.000.000		2.566.000.000
4	Chi bổ sung có mục tiêu				0
4.1	Kinh phí thực hiện Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2025 - 2030	1.000.000.000	1.000.000.000		1.000.000.000
4.2	Kinh phí Tổ bảo vệ an ninh, trật tự cơ sở theo Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND	1.932.000.000	1.932.000.000		1.932.000.000
4.3	Kinh phí sự nghiệp môi trường (trong đó có kinh phí thực hiện Đề án Hậu Giang xanh)	316.000.000	316.000.000		316.000.000
4.4	Kinh phí người cai nghiện ma túy đăng ký hình thức cai nghiện tự nguyện	75.000.000	75.000.000		75.000.000
4.5	Trung tâm văn hóa - Thể thao và truyền thanh		10.807.578.344		10.807.578.344
4.6	Chương trình áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001: 2015 năm 2025		26.400.000		26.400.000
4.7	Thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã		500.000.000		500.000.000
4.8	Mua sắm trang thiết bị công nghệ thông tin phục vụ hoạt động của UBND cấp xã		405.300.000		405.300.000
5	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững		1.665.200.000		1.665.200.000
6	Chi bổ sung có mục tiêu do thành phố bổ sung			5.413.521.656	5.413.521.656
7	Kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội			20.165.000.000	20.165.000.000
8	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM			170.000.000	170.000.000

STT	Nội dung	Dự toán giao năm 2025	Dự toán điều chỉnh (lần 1)	Dự toán điều chỉnh (lần 2)	Dự toán sử dụng năm 2025
A	B	1	2	2	2
9	Chi từ các khoản huy động, đóng góp		0	0	0
10	Chi chuyển nguồn sang năm sau (Ước thu vượt dự toán bao gồm tiền sử dụng đất)		0	0	0
V	Chi từ các khoản huy động, đóng góp				
VI	Chi từ thu kết dư ngân sách			7.000.000	7.000.000
VII	Chi từ chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang			2.163.000.000	2.163.000.000




HỢP TÁC XÃ TÂN HÒA
HỢP SỔ KINH PHÍ ĐIỀU CHỈNH TĂNG NĂM 2025

Nghị quyết số 21 /NQ-HĐND ngày 11 / 12/2025 của HĐND xã Tân Hòa)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Kinh phí giao đầu năm	Kinh phí điều chỉnh, bổ sung năm 2025 (lần 2)	Kinh phí điều chỉnh tăng
1	2	3	4	5=4-3
TỔNG CỘNG (I+II+III+IV+V)				
I	THÀNH PHỐ ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG TRONG NĂM 2025 (1+2+3)		27.918.521.656	27.918.521.656
I.1	Điều chỉnh cân đối		25.578.521.656	25.748.521.656
1	Điều chỉnh Vốn đầu tư công năm 2025			
I.2	Bổ sung có mục tiêu trong năm			
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ			
1.1	Kinh phí bổ sung vốn đầu tư phát triển năm 2025			
1.2	Điều chỉnh, bổ sung vốn đầu tư phát triển năm 2025			
2	Kinh phí Chương trình MTQG			
2.1	Kinh phí Chương trình MTQG (vốn XD CB)		170.000.000	170.000.000
2.2	Kinh phí Chương trình MTQG (vốn sự nghiệp)			
3	Bổ sung vốn sự nghiệp để thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định và một số nhiệm vụ mục tiêu		25.578.521.656	25.578.521.656
II	THU CHUYỂN NGUỒN TỪ NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG			
III	THU KẾT DƯ NGÂN SÁCH		2.163.000.000	2.163.000.000
IV	THU TỪ CÁC KHOẢN HUY ĐỘNG, ĐÓNG GÓP		7.000.000	7.000.000
V	ƯỚC THU VƯỢT DƯ TOÀN NĂM 2025			


DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2025

Định kèm theo Nghị quyết số 211 /NQ-HĐND ngày 11 / 12/2025 của HĐND xã Tân Hòa)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Dự toán đầu năm 2025	Dự toán điều chỉnh năm 2025 (lần 1)	Dự toán năm 2025 (lần 2)	Dự toán sử dụng năm 2025
A	B	1	2	2	2
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (A+B+C+D)	134.187.000.000	147.591.478.344	27.918.521.656	175.510.000.000
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	130.864.000.000	130.864.000.000	0	130.864.000.000
I	Chi đầu tư phát triển	0			
I	Chi đầu tư cho các dự án				
	<i>Vốn xây dựng cơ bản</i>				
II	Chi thường xuyên	128.298.000.000	128.298.000.000		128.298.000.000
	<i>Trong đó:</i>				
-	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>	104.205.000.000	104.205.000.000		104.205.000.000
-	<i>Chi khoa học và công nghệ</i>				
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay				
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				
V	Dự phòng ngân sách	2.566.000.000	2.566.000.000	0	2.566.000.000
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương				
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	3.323.000.000	16.727.478.344	25.748.521.656	42.476.000.000
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	0	0	0	0
1	Kinh phí Chương trình MTQG xây dựng NTM (XDCB)				
2	Kinh phí Chương trình MTQG xây dựng NTM (vốn sự nghiệp)				
II	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	0	1.665.200.000		1.665.200.000

STT	Nội dung	Dự toán đầu năm 2025	Dự toán điều chỉnh năm 2025 (lần 1)	Dự toán năm 2025 (lần 2)	Dự toán sử dụng năm 2025
1	Kinh phí Chương trình MTQG xây dựng giảm nghèo (vốn sự nghiệp)	0	1.665.200.000		1.665.200.000
III	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	3.323.000.000	15.062.278.344	25.748.521.656	40.810.800.000
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	3.323.000.000	15.062.278.344	25.748.521.656	40.810.800.000
1.1	Kinh phí thực hiện Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2025 - 2030	1.000.000.000	1.000.000.000		1.000.000.000
1.2	Kinh phí Tổ bảo vệ an ninh, trật tự cơ sở theo Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND	1.932.000.000	1.932.000.000		1.932.000.000
1.3	Kinh phí sự nghiệp môi trường (trong đó có kinh phí thực hiện Đề án Hậu Giang xanh)	316.000.000	316.000.000		316.000.000
1.4	Kinh phí người cai nghiện ma túy đăng ký hình thức cai nghiện tự nguyện	75.000.000	75.000.000		75.000.000
1.5	Kinh phí Trung tâm văn hóa - Thể thao và truyền thanh xã		10.807.578.344		10.807.578.344
1.6	Chương trình áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001: 2015 năm 2025		26.400.000		26.400.000
1.7	Thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã		500.000.000		500.000.000
1.8	Mua sắm trang thiết bị công nghệ thông tin phục vụ hoạt động của UBND cấp xã		405.300.000		405.300.000
1.9	Kinh phí bổ sung có mục tiêu do thành phố phân bổ			5.413.521.656	5.413.521.656
1.10	Kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội			20.165.000.000	20.165.000.000
1.11	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM			170.000.000	170.000.000
1.12	Thu từ quỹ dự trữ tài chính				
2	Bổ sung vốn sự nghiệp để thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định và một số chương trình mục tiêu				
C	CHI NỢP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN		0	0	0
D	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU (ƯỚC THU VƯỢT DỰ TOÁN BAO GỒM TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT)		0	0	0
E	Thu kết dư ngân sách			7.000.000	7.000.000
F	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang			2.163.000.000	2.163.000.000
G	Thu từ các khoản huy động, đóng góp				

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

Được kèm theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND xã Tân Hòa

Đơn vị: đồng



STT	Đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn năm 2025	Thu điều tiết ngân sách xã năm 2025	Cộng	Thu chuyển nguồn	Thu kết dư	Dự toán điều chỉnh năm 2025 (lần 1)	Dự toán điều chỉnh năm 2025 (lần 2)	Dự toán sử dụng năm 2025	Tổng cộng được sử dụng năm 2025	Số hồ sung từ ngân sách cấp trên					
											Cộng	Cân đối	Mục tiêu	Cộng	Mục tiêu	
1	Xã Tân Hòa	175.510.000.000	6.560.000.000			7.000.000	147.591.478.344	27.918.521.656	175.510.000.000	175.510.000.000	134.187.000.000	130.864.000.000	3.323.000.000	41.323.000.000	41.323.000.000	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	



Biểu số 30

CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 21 /NQ-HĐND ngày 11 / 12/2025 của HĐND xã Tân Hòa)

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Ghi chú
A	B	1	2
NGÂN SÁCH XÃ			
I	Nguồn thu ngân sách	175.510.000.000	
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	6.560.000.000	
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	164.214.000.000	
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	112.139.000.000	
-	Thu bổ sung để thực hiện chính sách tiền lương theo quy định hiện hành	9.599.000.000	
-	Thu bổ sung có mục tiêu	42.476.000.000	
3	Thu kết dư	7.000.000	
4	Thu dự phòng ngân sách	2.566.000.000	
5	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	2.163.000.000	
II	Chi ngân sách	175.510.000.000	
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp xã	175.510.000.000	
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới		
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau		



**DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN XÃ
THEO LĨNH VỰC NĂM 2025**

(Kèm theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND xã Tân Hòa)

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ lệ điều tiết	Thu ngân sách xã hưởng
A	B	I	2	3
TỔNG THU NGÂN SÁCH (I+II)		175.510.000.000		
I	Thu ngân sách nhà nước (thu nội địa)	6.588.000.000		
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh	4.605.000.000		
2	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	65.000.000		
3	Lệ phí trước bạ	1.360.000.000		
4	Thu phí và lệ phí	430.000.000		
5	Thuế thu nhập cá nhân			
6	Tiền sử dụng đất			
7	Thu khác ngân sách	100.000.000		
8	Thu phạt vi phạm hành chính do cơ quan thuế xử lý			
9	Thu phạt an toàn giao thông	28.000.000		
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	166.752.000.000		
1	Bổ sung cân đối	114.677.000.000		
2	Bổ sung để thực hiện chính sách tiền lương theo quy định hiện hành	9.599.000.000		
3	Bổ sung có mục tiêu	42.476.000.000		



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 21 /NQ-HĐND ngày 11 / 12/2025 của HĐND xã Tân Hòa)

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Ghi chú
A	B	1	2
TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (I+II+III+IV)		27.918.521.656	
I	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (1+2+3)		
II	CHI THƯỜNG XUYÊN (1+...+13)	25.748.521.656	
1	Sự nghiệp giáo dục		
1.1	Sự nghiệp giáo dục		
2	Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề		
3	Sự nghiệp khoa học công nghệ		
4	Sự nghiệp môi trường		
5	Sự nghiệp kinh tế		
6	Chi thường xuyên khác còn lại		
6.1	Chi QLNN, Đảng, đoàn thể, hội đặc thù		
6.2	Chi hoạt động sự nghiệp		
6.3	Chi hỗ trợ các đơn vị ngành dọc trên địa bàn, đơn vị dự toán khác		
7	Chi quốc phòng		
8	Chi an ninh		
9	Chi đảm bảo xã hội	20.165.000.000	
9.1	Sự nghiệp đảm bảo xã hội		
9.2	Chế độ chính sách	20.165.000.000	
10	Chi có mục tiêu, nhiệm vụ	5.583.521.656	
10.1	Kinh phí bổ sung có mục tiêu do Thành phố phân bổ	5.413.521.656	
10.2	Kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	170.000.000	
11	Chi khen thưởng		
12	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản		
13	Chi khác ngân sách		
III	Chi từ thu kết dư ngân sách	7.000.000	
IV	Chi từ chuyển nguồn năm trước chuyển sang	2.163.000.000	